TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KỲ SƠN
TỈNH HÒA BÌNH

Bản án số: 02/2019/HNGĐ – ST
Ngày: 17/7/2019
V/v *tranh chấp hôn nhân gia đình*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KỲ SƠN TỈNH HÒA BÌNH

T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Lự

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Đức Tính

Bà Vũ Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2019/QĐST – HNGĐ ngày 28/6/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1983.

Địa chỉ: xóm Q, xã P, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình. Có mặt

Bị đơn: Anh Trương Minh T, sinh năm 1983

Địa chỉ: xóm Q, xã P, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình.Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/3/2019, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn – chị Nguyễn Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Trương Minh T kết hôn vào năm 2006, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình, Giấy chứng nhận kết hôn số 21, quyển số 01, ngày 27/10/2006. Hôn nhân do hai bên hoàn toàn tự nguyên. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, cuối năm 2007 sinh được cháu Trương Ngọc A. Đến năm 2011 anh T bắt đầu đi làm ăn ở dưới Hà Nội, thời gian đầu vẫn đi về nhà thăm mẹ già và vợ con. Vào khoảng tháng 12/2011 thì anh T không về nhà thăm nhà nữa, gia đình cũng tìm mọi cách liên lạc với anh T nhưng không được. Đến tháng 02/2012, gia đình có nghe tin anh T lên Tuyên Quang làm việc, chị H và người thân trong gia đình đã lên gặp, khuyên anh về nhà. Anh T đồng ý về nhà, sau khi mọi người trong gia đình khuyên nhủ anh T vẫn đề xuất ly hôn với chị H, lý do là vợ chồng không còn hợp nhau, sau đó lại tiếp tục bỏ nhà đi. Từ đó đến nay, anh T đi đâu, làm gì, ở đâu, với ai chị H và gia đình không có tin tức gì. Chị H đã yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kỳ Sơn tuyên bố anh Trương Minh T mất tích và được Tòa án nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình giải quyết tại Quyết định số 06/2018/QĐST – VDS ngày 28/12/2018 về việc tuyên bố anh Trương Minh T mất tích. Nay chị Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa chị H và anh T.

- Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 con chung là: Trương Ngọc A, sinh ngày 08/11/2007. Chị H có nguyện vọng nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về công nợ chung: Không có.

- Về án phí: Chị H chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

* *Đối với bị đơn:* Anh Trương Minh T bị Tòa án nhân dân huyện Kỳ Sơn tuyên bố mất tích theo quyết định 06/2018/QĐST – VDS ngày 28/12/2018. Từ đó đến nay, không có tin tức gì của anh T. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục theo đúng trình tự quy định của pháp luật nhưng vẫn không có tin tức gì của anh Trương Minh T.

Tòa án đã thực hiện việc triệu tập hợp lệ đối với anh Trương Minh T để thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa tuy nhiên anh T vẫn vắng mặt.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Sơn phát biểu ý kiến:*

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán phân công thụ lý vụ án đã thực hiện theo đúng quy định tại Điều 195, Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS), thời hạn giải quyết vụ án đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 BLTTDS. Về thủ tục mở phiên họp và hòa giải theo đúng quy định tại các điều 205 đến Điều 211 BLTTDS. Tuy nhiên, việc cấp, tống đạt, thông báo trực tiếp cho anh Trương Minh T chưa đảm bảo theo quy định tại khoản 5 Điều 177 BLTTDS.

Thư ký tòa án thực hiện đúng các quy định tại Điều 51 của BLTTDS.

Hội đồng xét xử tiến hành thủ tục bắt đầu phiên tòa, thực hiện nội dung, phương thức, thứ tự tranh tụng đúng quy định của BLTTDS.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71BLTTDS.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt vi phạm Điều 72 BLTTDS.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chị H kết hôn với anh T trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn hợp pháp. Anh T bỏ nhà đi từ năm 2011 đến nay không có tin tức gì. Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 2 Điều 227, Điểu 228 BLTTDS chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị H.

Về con chung: Đề nghị HĐXX giao con chung Trương Ngọc A, sinh ngày 08/11/2007 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1].Về tố tụng:

[1.1]. Nguyên đơn và bị đơn có đăng ký kết hôn vào ngày 27/10/2006 tại UBND xã P, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình là hôn nhân hợp pháp trên cơ sở hai bên hoàn toàn tự nguyện. Nguyên đơn, bị đơn cư trú tại huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình. Nay nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với bị đơn là anh Trương Minh T; Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35

BLTTDS năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa, anh Trương Minh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 BLTTDS năm 2015, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt bị đơn Trương Minh T.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Chị Nguyễn Thị H và anh Trương Minh T có đăng ký kết hôn vào ngày 27/10/2006 tại UBND xã P, huyện Kỳ Sơn và không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn tại Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Như vậy quan hệ hôn nhân này là hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[2.2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn:

- Đối với yêu cầu về việc ly hôn: Anh Trương Minh T đã bị Tòa án tuyên bố mất tích tại quyết định số 06/2018/QĐST – VDS ngày 28/12/2018. Trên thực tế vợ chồng không còn chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự 2015, khoản 2 Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX nhận thấy có cơ sở để chấp nhận giải quyết cho ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn.

- Đối với yêu cầu về con chung: Tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện giữa chị H và anh T có 01 con chung Trương Ngọc A, sinh ngày 08/11/2007. Chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cả con chung, cháu Trương Ngọc A cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. HĐXX nhận thấy từ khi anh T mất tích thì chị H là người trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với nguyện vọng của chị H và con cũng như quy định của pháp luật. Chị H không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Tuy nhiên để đảm bảo quyền lợi cho cháu Trương Ngọc A cũng như nghĩa vụ, trách nhiệm của cha mẹ đối với con, trong trường hợp anh Trương Minh T trở về chị Nguyễn Thị H có quyền yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung bằng một vụ kiện dân sự khác nếu yêu cầu và có đủ căn cứ.

- Đối với yêu cầu về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị H khẳng định không có tài sản chung, công nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về phần thủ tục cấp, tống đạt, thông báo trực tiếp cho anh Trương Minh T chưa đảm bảo theo quy định tại khoản 5 Điều 177 BLTTDS. HĐXX nhận định như sau: anh Trương Minh T đã được Tòa án nhân dân huyện Kỳ Sơn tuyên bố mất tích tại Quyết định số 06/2018/QĐST – VDS ngày 28/12/2018, không thuộc trường hợp "*thông báo vắng mặt nơi cư trú mà không rõ thời điểm trở về hoặc không rõ địa chỉ nơi cư trú cuối cùng"*. Mặt khác, Tòa án đã có biên bản xác minh tại địa phương về nội dung trên nên không cần phải lập biên bản về việc không thực hiện được việc cấp, tống đạt, thông báo có xác nhận của địa phương.

[2.3].Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự 2015;

- Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000;

- Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Q hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Trương Minh T. Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trương Minh T đã được công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 21, quyển số 01 ngày 27/10/2006 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Trương Ngọc A, sinh ngày 08/11/2007 cho chị Nguyễn Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho

đến khi cháu A đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định khác của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu nên Tòa không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không được trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ chung**:** Chị Nguyễn Thị H khẳng định không có tài sản chung, công nợ chung nên Tòa không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004015 ngày 03/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình. Chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND h.Kỳ Sơn;
- THADS h.Kỳ Sơn;
- UBND xã P (nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Văn Lự